

Số: 531 /BC-UBND

Sơn Kim 1, ngày 30 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trên địa bàn xã Sơn Kim 1

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh.

Thực hiện Công văn số 9649/UBND-NL3 ngày 17/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham mưu xây dựng Báo cáo tổng kết Nghị quyết 24-NQ/TW và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW và Kết luận 65-KL/TW về công tác dân tộc; Ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1 báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; vị trí, vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng, bảo vệ an ninh quốc phòng.

Xã Sơn Kim 1 là xã miền núi biên giới có tuyến đường Quốc lộ 8A chạy xuyên suốt từ Đông qua Tây sang nước bạn Lào. Địa bàn có hơn 31 km đường biên tiếp giáp nước bạn Lào, có cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, có nhiều đường tiểu mạch qua biên giới là điều kiện thuận lợi cho giao lưu, buôn bán, phát triển kinh tế, nhưng cũng là địa bàn dễ các thế lực thù địch và đối tượng lợi dụng hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

Diện tích tự nhiên: 22.609 ha, dân số: 1427 hộ; 5738 nhân khẩu. Toàn xã có 06 thôn, 2 trường học, 01 trạm y tế, 01 Trung Tâm dịch vụ tổng hợp. Hộ nghèo toàn xã có 30 hộ chiếm tỷ lệ 2,20%, hộ cận nghèo 53 hộ.

Về dân tộc thiểu số xã có 169 hộ với 370 nhân khẩu, gồm mán thanh, Mường, Thổ, Thái, Tày, Tày Mường, Dao, Mán, Sán Dìu, Khơ Mú, Hoa. Dân cư trú chủ yếu ở thôn Hà Trai. Trong đó dân tộc mán thanh là 96 hộ 237 nhân khẩu là DTTS có đông người nhất tại xã Sơn Kim 1; dân tộc Khơ Mú, Hoa.. là các dân tộc có ít người nhất.

Các cư dân thuộc dân tộc thiểu số trên địa bàn xã có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp; các ngành sản xuất chính gồm trồng trọt và chăn nuôi. Trong những năm qua, địa phương từng bước vận động Nhân dân chuyển đổi phương thức sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật, phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập.

Về lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội: Các chính sách hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai kịp thời; công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được duy trì; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của người dân tộc thiểu số.

Về quốc phòng, an ninh: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được giữ vững. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống các loại tội phạm, giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng dân cư được quan tâm thực hiện.

2. Bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế hiện nay tác động đến phát triển kinh tế - xã hội và công tác dân tộc của địa phương

- Công tác dân tộc trên địa bàn xã được triển khai trong điều kiện có nhiều thuận lợi, như: sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; hệ thống chính sách dân tộc ngày càng được hoàn thiện; các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai đã tạo nguồn lực quan trọng để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân.

- Bên cạnh những thuận lợi, địa phương vẫn gặp một số khó khăn như: địa bàn rộng, điều kiện tự nhiên còn nhiều hạn chế; sản xuất của người dân chủ yếu phụ thuộc vào thời tiết; trình độ sản xuất, khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật của một bộ phận người dân còn hạn chế; nguồn lực đầu tư còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển.

3. Thuận lợi, khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

3.1. Thuận lợi

- Công tác dân tộc và thực hiện các chính sách dân tộc được cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; các cơ quan, ban ngành, đoàn thể phối hợp triển khai thực hiện các chính sách dân tộc. Quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về công tác dân tộc. Triển khai đầy đủ các chính sách dân tộc đến nhân dân và các đối tượng thụ hưởng. Kinh tế - xã hội của xã ổn định và có bước phát triển; đời sống của các hộ gia đình có người dân tộc được quan tâm thường xuyên; giao thông đi lại ngày càng thuận tiện hơn; quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

3.2. Khó khăn

- Địa bàn rộng, một số khu vực còn khó khăn về giao thông, điều kiện sản xuất.
- Đời sống một số hộ có người dân tộc thiểu số còn khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo.
- Một số hộ nghèo còn hạn chế về nguồn lực, lao động, khả năng áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- Việc duy trì và nhân rộng các mô hình sinh kế còn gặp khó khăn.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI VÀ THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết

- Việc tổ chức học tập, nghiên cứu, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 24 và Kết luận 65).

- Công tác chỉ đạo, điều hành, phân công tổ chức, cá nhân phụ trách và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo thực hiện công tác dân tộc; thực hiện các chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ trong Nghị quyết 24 và Kết luận 65.

Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương luôn xác định công tác dân tộc là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, nhất là Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị.

UBND xã thường xuyên phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội, các thôn tổ chức lồng ghép tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về dân tộc, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; vận động Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn.

- Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 24 và Kết luận 65.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc được quan tâm. UBND xã đã tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai các dự án thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn.

2. Công tác thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết và Kết luận

Công tác triển khai nhiệm vụ thể chế hóa, xây dựng, tham mưu hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc, chính sách dân tộc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của tỉnh/thành phố để thực hiện các nhiệm vụ trong Nghị quyết 24 và Kết luận 65.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW VÀ KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật; tăng cường đồng thuận xã hội, niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối với Đảng và Nhà nước

- Ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1 thường xuyên quan tâm triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là các thôn có hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương, chính sách lớn như: Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các chính sách giảm nghèo bền vững; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo tồn văn hóa dân tộc, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và an sinh xã hội.

- Hình thức tuyên truyền được thực hiện đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương như thông qua hệ thống truyền thanh xã, thôn; các cuộc họp thôn; sinh hoạt của các hội đoàn thể; các hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Thông qua công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về quyền, nghĩa vụ công dân; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, chủ động tham gia phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương.

2. Nhiệm vụ phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS và miền núi

2.1. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ về kiên cố hoá đường giao thông, công trình thuỷ lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, thông tin... các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản.

- Trong giai đoạn 2021 - 2025, xã Sơn Kim 1 không thụ hưởng nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. UBND xã đã tập trung chỉ đạo triển khai các dự án, tiểu dự án theo đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung được phê duyệt.

2.2. Nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, môi trường: Trong giai đoạn 2021 - 2025, nguồn vốn Chương trình đã tập trung hỗ trợ đầu tư các công trình thiết yếu phục vụ đời sống Nhân dân vùng khó khăn.

3. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, nâng cao mức sống và phát triển sinh kế bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số

3.1. Công tác giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội

- UBND xã thường xuyên triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Kết quả giảm nghèo trên địa bàn: Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn xã:

- Số hộ nghèo: 30 hộ, trong đó có 04 hộ nghèo là người dân tộc thiểu số.

- Số hộ cận nghèo: 53 hộ, trong đó có 09 hộ nghèo là người dân tộc thiểu số.

3.2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản giá trị cao; bảo vệ môi trường sinh thái; tạo sinh kế cho người dân.

- Cùng với các chính sách giảm nghèo, địa phương chú trọng hỗ trợ người dân phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán canh tác.

- Các mô hình sản xuất chủ yếu của người dân trên địa bàn gồm: Trồng trọt và Chăn nuôi gia súc.

- Thông qua các chương trình hỗ trợ, người dân từng bước nâng cao nhận thức trong việc chuyển đổi phương thức sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao thu nhập.

3.3. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, đào tạo nghề, lao động, việc làm, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN.

- Công tác giáo dục, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện.

- UBND xã phối hợp với các cơ sở giáo dục triển khai các chính sách hỗ trợ học sinh, vận động học sinh đến trường, duy trì sĩ số, hạn chế tình trạng bỏ học. Công tác đào tạo nghề, tư vấn việc làm tiếp tục được quan tâm, góp phần mở rộng cơ hội việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

4. Công tác văn hóa, bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số; nâng cao hưởng thụ văn hóa của người dân và chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình phục vụ đồng bào các dân tộc thiểu số. Xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, trong đó có các hủ tục lạc hậu về hôn nhân như tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống

4.1. Về giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí

- UBND xã xác định giáo dục và đào tạo là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực toàn xã nói chung và các thôn có nhiều hộ dân tộc thiểu số nói riêng. Trong giai đoạn 2019 - 2026, địa phương thường xuyên phối hợp với các trường học trên địa bàn triển khai các chính sách hỗ trợ học sinh, vận động học sinh trong độ tuổi đến trường, duy trì sĩ số, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học.

- Công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh quan tâm đến việc học tập của con em được thực hiện thường xuyên; chú trọng hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh là người dân tộc thiểu số, tạo điều kiện để các em được tiếp cận giáo dục bình đẳng.

4.2. Về công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Công tác chăm sóc sức khỏe cho bà con người dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện. Trạm Y tế xã duy trì công tác khám, chữa bệnh ban đầu, tuyên

truyền phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thực hiện các chương trình y tế quốc gia.

- Các chính sách bảo hiểm y tế đối với người dân thuộc nhóm được ngân sách Nhà nước hỗ trợ được triển khai đầy đủ, 100% người dân được cấp thẻ BHYT góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế.

- Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường, phòng chống suy dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống các bệnh thường gặp được thực hiện thông qua các hoạt động của ngành y tế, các tổ chức đoàn thể và hệ thống thôn.

5. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào DTTS&MN. Tăng cường hợp tác, đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân vùng biên giới

- Cấp ủy, chính quyền địa phương luôn xác định giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội.

- Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh thôn xóm được triển khai thường xuyên. Chính quyền địa phương chú trọng phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, giải quyết các vấn đề phát sinh tại cơ sở.

IV.ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận số 65-KL/TW

- Qua triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc giai đoạn 2019 - 2026, công tác dân tộc trên địa bàn xã Sơn Kim 1 đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của công tác dân tộc từng bước được nâng lên; khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố.

- Các chương trình, chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai đã tạo nguồn lực quan trọng để đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất, hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

- Kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư; hệ thống giao thông, trường học, công trình phục vụ dân sinh từng bước được cải thiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa tiếp tục có bước phát triển; quyền bình đẳng giữa các dân tộc được bảo đảm; bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào được quan tâm giữ gìn và phát huy.

- Công tác QPAN được giữ vững; tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định.

2. Những thành tựu đạt được trong các lĩnh vực

2.1. Về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS

- Các chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong đời sống Nhân dân.

- Thông qua các chính sách hỗ trợ, người dân từng bước nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế hộ gia đình, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 đã hỗ trợ nhiều nội dung thiết thực như: Hỗ trợ chuyển đổi nghề; hỗ trợ nước sinh hoạt; đầu tư giao thông; hỗ trợ giáo dục; Bảo tồn văn hóa; truyền thông, nâng cao nhận thức. Các chính sách đã góp phần cải thiện điều kiện sống, tạo nền tảng để người dân tộc thiểu số phát triển bền vững.

2.2. Về văn hóa, giáo dục, y tế

- Công tác giáo dục, đào tạo được quan tâm; tỷ lệ học sinh đến trường được duy trì; các chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số được triển khai.

- Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được duy trì thường xuyên; người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản; các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng được triển khai.

2.3. Về quốc phòng, an ninh

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững.

- Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được thực hiện thường xuyên.

2.4. Về nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác dân tộc

- UBND xã từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, tổ chức thực hiện các chính sách phát triển; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận chuyên môn; tăng cường phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể và thôn trong quá trình triển khai.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, chính sách được quan tâm.

3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.1. Tồn tại, hạn chế: Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác dân tộc trên địa bàn xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

- Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương còn nhiều khó khăn; sản xuất của người dân chủ yếu phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, khả năng tích lũy vốn còn hạn chế; Một bộ phận người dân tộc thiểu số còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận khoa học kỹ thuật, chuyển đổi phương thức sản xuất, phát triển sinh kế bền vững.

3.2. Nguyên nhân

- Địa bàn xã rộng, điều kiện tự nhiên còn nhiều khó khăn, nền kinh tế của người dân chủ yếu dựa vào nông nghiệp, chịu ảnh hưởng lớn bởi thời tiết, thiên tai.

- Một số cơ chế, chính sách trong quá trình triển khai tiếp tục được điều chỉnh, bổ sung, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, đối tượng thụ hưởng chính sách có tính đặc thù, một số hộ nghèo còn hạn chế về khả năng lao động, tiếp cận khoa học kỹ thuật.

- Cán bộ thực hiện công tác dân tộc chủ yếu kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, công tác phối hợp giữa một số bộ phận có lúc chưa thật sự đồng bộ.

4. Một số bài học kinh nghiệm

- Phải tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền; xác định công tác dân tộc là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài.

- Trong tổ chức thực hiện chính sách dân tộc cần phát huy vai trò chủ thể của người dân; khuyến khích tinh thần tự lực, tự cường, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Cần phát huy vai trò của Mặt trận, các đoàn thể, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân.

- Việc triển khai các chương trình, dự án phải gắn với điều kiện thực tế của địa phương, tập trung vào các lĩnh vực người dân có lợi thế như nông nghiệp, chăn nuôi, bảo tồn văn hóa.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách, bảo đảm nguồn lực được sử dụng đúng mục tiêu, đúng đối tượng.

V. ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc; phát huy tinh thần đoàn kết, tự lực, tự cường; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

- Phấn đấu giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc H'rê; bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc

Đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dân tộc, nhằm phát huy vai trò của người có uy tín, trưởng thôn, đoàn thể và các tổ chức, cá nhân có uy tín trong vận động Nhân dân.

2.2. Phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững: Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia và hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp điều kiện địa phương.

2.3. Phát triển giáo dục, y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Duy trì công tác vận động học sinh đến trường, quan tâm đào tạo nghề, giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

2.4. Bảo tồn văn hóa dân tộc

Tiếp tục duy trì các hoạt động văn hóa truyền thống. Quan tâm truyền dạy các loại hình văn hóa, nghề thủ công truyền thống. Gắn bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch cộng đồng.

2.5. củng cố quốc phòng, an ninh

Phát huy vai trò người có uy tín, chủ động nắm tình hình, giải quyết vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT :

- Đề xuất các cấp có sự quan tâm có chính sách hỗ trợ kinh phí giúp người dân tộc thiểu số phát triển các mô hình kinh tế, giảm nghèo bền vững; và thực hiện việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội của người dân tộc thiểu số;

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trên địa bàn xã Sơn Kim 1./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT: Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Ban Xây dựng Đảng;
- UBMTTQVN và các tổ chức chính trị xã hội;
- Các phòng, ban chuyên môn xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Hào

BIỂU TỔNG HỢP MỘT SỐ THÔNG TIN, SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ¹
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã)

BIỂU TỔNG HỢP THÔNG TIN, SỐ LIỆU CƠ BẢN

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Dân số DTTS	370	6,4	Người	
2	Hộ nghèo DTTS	4	0,28	Hộ	
3	Tốc độ giảm nghèo bình quân hàng năm	1	1	%	
4	Đảng viên người DTTS/tổng số đảng viên	8	2,42	Đảng viên	
5	Tổng số thôn (bản, phum, sóc) chưa có chi bộ Đảng/Tổng số thôn toàn xã	0		Thôn	
6	Tốc độ tăng trưởng GDP			%	
7	Thu nhập bình quân đầu người (số liệu chung của tỉnh)			vnd/người/tháng	
8	Thu nhập bình quân đầu người DTTS			vnd/người/tháng	
9	Xóa nhà tạm, nhà dột nát	15		Căn	
10	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở	1		Hộ	
11	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở	3		Hộ	
12	Giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất	2		Hộ	
13	Hỗ trợ nước sinh hoạt	5		Hộ	
14	Đường giao thông đến xã được cứng hóa	60		Km	
15	Sử dụng điện lưới quốc gia	370		Hộ	

16	Sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	370		Hộ	
17	Kết quả phổ cập giáo dục	3		Cấp học	
18	Kết quả dạy chữ, tiếng DTTS trên địa bàn	Không (Học tiếng Việt)		Người học	
19	Xóa mù chữ	370		Người	
20	Bảo hiểm y tế	350		Người	
21	Cơ sở khám chữa bệnh đạt chuẩn	1		Cơ sở	
22	Suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi	05		Trẻ em	
23	Phụ nữ DTTS được khám thai định kỳ	Có		Phụ nữ	
24	Tỷ lệ người DTTS được xem truyền hình/nghe đài TNVN	370		Người	
25	Lao động DTTS trong độ tuổi có nhu cầu chuyển đổi nghề được đào tạo, chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu	5		Người	
26	Số lượng công chức người DTTS/tổng số	3		Người	

¹ Số liệu tính đến thời điểm báo cáo (lũy kế đến năm 2026).